TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2020/DS-PT
Ngày: 08/6/2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ
Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Tón - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29 tháng 5 và ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp *"quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 229/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1948;

1.2 Chị Võ Thị D, sinh năm 1973;

1.3 Anh Võ Thành T, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp L, xã LK, huyện H, Đồng Tháp;

1.4 Chị Võ Thị D1, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp;

Đại diện theo ủy quyền của bà Kh, chị D, anh T, chị D1 là chị Võ Thị D, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn E (tên khác: S), sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã LK, huyện H, tỉnh Đồng Tháp;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 1977;

3.2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1966;

3.3. Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1967;

3.4. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp;

3.5. Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp;

3.6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp 1B, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của anh E, ông M, anh N, ông M1, bà M2, bà H là anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 1977;

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thành T1, là đại diện theo ủy quyền của Bị đơn và là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Kh, chị D, chị D1, anh T, do chị D đại diện theo ủy quyền trình bày: Vào năm 1942, cụ Võ Thành Tr (ông nội của chị D) có hỏi cụ Nguyễn Văn M (cha của cụ T) cất nhà ở trên đất của cụ M, không biết là cho ở luôn hay cho ở nhờ, không biết diện tích bao nhiêu m^2, nhưng thực tế ông nội chị D sử dụng diện tích 785,68m^2.

Sau khi ông nội chị D qua đời thì cha mẹ chị D (ông Võ Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kh) tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích là 785,68m^2 (theo sơ đồ đo đạc thực tế của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H có diện tích 844,4m^2 thuộc thửa đất số 405, tờ bản đồ 12, tọa lạc tại xã L, huyện H, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Do đất này cụ M cho cụ T, cụ T cho ông T1, nên vào ngày 28/7/1995, ông Đ đã thỏa thuận bồi thường thành quả lao động cho ông T1 phần đất có diện tích chiều ngang 12,2m x chiều dài 64,4m = 785,68m^2. Việc bồi thường có làm giấy tay là tờ chuyển nhượng đất vào ngày 28/7/1995, có xác nhận của cán bộ tư

pháp xã là ông Phạm Văn T, với giá 3.000đ/m^2 thành tiền là 2.357.000đ. Ông Đ đã giao đủ tiền cho ông T1, còn đất thì ông Đ đã quản lý sử dụng từ trước đó như cất nhà, trồng tre, dừa, khoảng năm 1991 thì ông Đ trồng cây sao, me tây.

Năm 2018, anh Nguyễn Văn E đã chặt 02 bụi tre, 65 cây chuối lớn, nhỏ của gia đình chị để trồng chanh và đổ vật liệu xây dựng trên đất của gia đình chị D, khi chị D khởi kiện tại Tòa án thì anh E đã di dời vật liệu xây dựng đi nơi khác. Chị có báo chính quyền địa phương việc anh E chặt cây và trồng chanh chiếm một phần diện tích đất của gia đình chị nhưng không có lập biên bản.

Do đất hiện đang tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T1 là người chuyển nhượng đất cho ông Đ và hiện nay các con ông T1 chiếm sử dụng đất, do đó bà Kh, chị D, chị D1, anh T yêu cầu những người con của ông T1 là anh E (tên khác: S), ông M, bà M1, bà H, ông M2, anh N, anh T1 di dời cây trồng trên đất đi nơi khác trả phần đất lấn chiếm có diện tích 223,1m^2 từ mốc M6 - M8 - M9 - M12 về M6, đất thuộc một phần thửa đất số 405, tờ bản đồ số 12 đất tọa lạc tại xã LK, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Chị D rút lại yêu cầu anh E bồi thường thiệt hại đối với phần cây trồng bị chặt phá gồm 65 cây chuối trị giá 1.500.000đ, 02 bụi tre trị giá 3.500.000đ, tổng cộng là 5.000.000đ.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn E, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh M, anh N, anh M1, chị H; do anh Nguyễn Thành T1 cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nội anh là cụ Nguyễn Văn T để lại cho cha anh là ông Nguyễn Văn T1 (chết năm 2004), mẹ là bà Huỳnh Thị P (chết năm 2011), ông T1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T1, bà P có tất cả 07 người con, gồm: 1. Nguyễn Văn M; 2. Nguyễn Thị M2; 3. Nguyễn Thị H; 4. Nguyễn Văn M1; 5. Nguyễn Văn E; 6. Nguyễn Văn N; 7. Nguyễn Thành T1. Hiện đất do 07 anh chị em của anh cùng quản lý, sử dụng, diện tích đất mà ông T1 để lại hơn 04 công, có chiều ngang một cạnh là 12m, một cạnh là 24m còn chiều dài là 230m, có vị trí phía trên giáp Lò Sấy tên Ngh hiện do bà O đứng tên quyền sử dụng đất, phía dưới giáp đất ông Trần Văn C (con của bà Nguyễn Thị Th), phía trong giáp đất ông Nguyễn Thắng T (đã chết), hiện không biết ai quản lý, sử dụng đất của ông T. Việc ông T1 được cho đất có làm giấy tờ, ông T1 để lại đất thì gia đình anh đã đi đăng ký cấp quyền sử dụng đất 07-08 năm nay nhưng vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trước năm 1975, cụ Tr ở nhờ trên đất cụ Nguyễn Văn M (tên khác là Mg) là em ruột của cụ Nguyễn Văn T. Phần đất cụ M được ông bà cho là ở phía trên đất của cụ T, tức là chỗ Lò Sấy trở lên và hiện đã bán hết cho người khác, nên cụ Võ Thành Tr (là cha chồng của bà Kh, ông nội của chị D) ở nhờ trên phần đất của gia đình anh trước năm 1975, diện tích đất cụ Tr chiếm sử dụng của gia đình

anh không biết diện tích bao nhiêu. Sau khi ông T1 đi cách mạng về thì lấy đất lại lập vườn trồng dừa, tre, chuối, năm 1988 trồng một vườn me tây, đến năm 2000 thì ông T1 cất nhà, hiện là căn nhà anh đang quản lý, sử dụng phần đất. Cụ Tr chiếm sử dụng có cất nhà và có trồng một số cây trên đất như chuối, còn tre là của ông nội anh trồng nhưng người sử dụng là cụ Tr. Ông T1 đã nhiều lần yêu cầu cụ Tr di dời đi nơi khác để trả lại đất nhưng cụ Tr không đi.

Tờ chuyển nhượng đất ngày 28/7/1995, trong đó có chữ ký của ông T1 anh không biết có phải là chữ ký của ông T1 không, hiện anh không lưu giữ chữ ký của ông T1, không yêu cầu giám định chữ ký của ông T1 trong tờ chuyển nhượng đất ngày 28/7/1995. Do mẹ và các anh chị em của anh không có ký tên vào tờ chuyển nhượng đất ngày 28/7/1995 nên không đồng ý đất là của ông Đ mua. Nếu ông T1 có bán đất cho ông Đ thì phải có đo đạc và trồng trụ đá.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì anh E đã trồng tre, chanh trên phần đất tranh chấp và thống nhất nếu Tòa án giải quyết đất thuộc về phía các nguyên đơn thì anh tự nguyện di dời cây trồng của mình, không yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây trồng. Anh không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên yêu cầu anh và các anh chị của anh trả lại phần đất có diện tích 223,1m^2 thuộc thửa đất 405, tờ bản đồ số 12, tọa lạc xã L, huyện H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị M2 trình bày: Chị là con ruột của ông T1, bà Ph. Không biết cha mẹ chị để lại đất có diện tích bao nhiêu, chỉ biết có chiều dài từ mí sông đến đường cái, không biết đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa, chị không biết cha mẹ chị có bán đất cho ông Đ hay không. Phần đất cụ Tr sử dụng từ trước đến nay là sử dụng để cất nhà, trồng tre, đối với các cây cồng, sao xung quanh nhà không biết ai trồng, còn cha mẹ chị có trồng cây trên đất tranh chấp hay không chị không biết. Cha mẹ đã chết anh E chị thống nhất giao đất cha mẹ để lại cho anh T1 quản lý, sử dụng và toàn quyền định đoạt, chị không tranh chấp cũng không yêu cầu chia thừa kế phần đất cha mẹ để lại. Nay các nguyên đơn yêu cầu anh E (S) trả lại đất chị không thống nhất.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 10/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản đối với 65 cây chuối trị giá 1.500.000đ, 02 bụi tre trị giá 3.500.000đ, tổng cộng là 5.000.000đ của bà Nguyễn Thị Kh, chị Võ Thị D1, chị Võ Thị D và anh Võ Thành T do chị Võ Thị D đại diện đã rút.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kh, chị Võ Thị D1, chị Võ Thị D và anh Võ Thành T về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Thành T1, ông Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn M1, bà Nguyễn

Thị M2, bà Nguyễn Thị H di dời cây trồng và các tài sản gắn liền với đất trả lại cho bà Kh, chị D1, chị D, anh T phần đất có diện tích 269,5m^2 thuộc một phần thửa đất số 405 tờ bản đồ số 12 đất tọa lạc tại xã LK, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Kh, chị Võ Thị D1, chị Võ Thị D và anh Võ Thành T được quyền sử dụng phần đất có diện tích 269,5m^2 thuộc một phần thửa đất số 405, tờ bản đồ số 12 đất tọa lạc tại xã LK, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi các mốc M6 - M8 - M9 - M12 về M6 theo Mãnh trích đo địa chính số 02/2019 ngày 24/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/4/2019, Mãnh trích đo địa chính số 02/2019 ngày 24/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Đồng Tháp).

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng 2.341.000đ, chị Võ Thị D đại diện cho bà Nguyễn Thị Kh, chị Võ Thị D1, anh Võ Thành T đã tạm ứng và chi xong, buộc anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Thành T1, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị M2 phải trả lại cho bà Kh, chị D, chị D1, anh T chi phí này là 2.341.000đ (Hai triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Thành T1, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, anh Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M2 chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4.2 Bà Nguyễn Thị Kh, chị Võ Thị D, chị Võ Thị D1, anh Võ Thành T được nhận lại tiền tạm ứng 1.125.000đ theo biên lai thu số 0004276 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Ngày 17/01/2020, anh Nguyễn Thành T1 kháng cáo yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kh, chị D1, chị D, anh T được quyền sử dụng đất với diện tích 269,5m^2 thuộc một phần thửa 405, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Nguyên đơn: Đại diện theo ủy quyền là chị Võ Thị D trình bày: Phần đất tranh chấp theo sơ đồ đo đạc từ mốc M6-M8-M9-M12 trở về mốc M6, diện tích là 223,1m^2, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các mốc là đúng, nhưng diện tích không phải là 269,5m^2 như bản án sơ thẩm tuyên xử. Cha mẹ chị đã trả tiền thành quả lao động cho ông T1, nên yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất 223,1m^2. Gia đình chị yêu cầu được sở hữu các cây chanh trồng trên đất và đồng

ý trả tiền giá trị 28 cây chanh mà gia đình anh E trồng theo giá mà Hội đồng định giá đã định là 35.000 đồng/cây = 980.000 đồng.

+ Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Thành T1 trình bày: Phần đất tranh chấp là của ông, bà để lại cho cha anh. Cha anh chết để lại cho mẹ và các anh chị em của anh, nên anh yêu cầu gia đình anh được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp. Anh T1 cũng xác định diện tích đất chị D tranh chấp tại các mốc M6-M8-M9-M12 trở về M6 là 223,1m^2. Anh T1 cũng đồng ý nếu Tòa án giải quyết giao đất cho nguyên đơn thì bị đơn cũng đồng ý nhận tiền giá trị các cây chanh đã trồng và giao các cây chanh cho nguyên đơn được sở hữu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của anh T1 nộp trong thời gian luật định, có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, được xem là kháng cáo hợp lệ. Xét phần đất tranh chấp theo các mốc M6-M8-M10-M12 trở về M6 theo sơ đồ đo đạc, diện tích 223,1m^2, không phải 269,5m^2, việc này được nguyên đơn và bị đơn thừa nhận. Diện tích đất tranh chấp gia đình chị D đã sử dụng từ trước năm 1975. Căn cứ vào giấy chuyển nhượng đất ông T1 chuyển nhượng cho ông Đ ngày 28/7/1995, có xác nhận của ông Tâm, là tư pháp xã, có đủ cơ sở xác định đất này ông T1 đã chuyển nhượng cho ông Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn cùng thỏa thuận, nếu giao đất cho nguyên đơn thì nguyên đơn đồng ý trả tiền giá trị các cây chanh cho bị đơn.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh T1, sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận phần đất tranh chấp cho gia đình chị Võ Thị D được tiếp tục sử dụng, diện tích 223,1m^2, gia đình chị D được sở hữu 28 cây chanh và trả tiền giá trị cho anh E (S) số tiền 980.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh T1, đại diện theo ủy quyền bị đơn anh Nguyễn Văn E và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kh, chị D1, chị D, anh T được quyền sử dụng đất với diện tích 269,5m^2 thuộc một phần thửa 405, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Xét thấy, về nguồn gốc phần đất, các đương sự đều thừa nhận phần đất tranh chấp là của ông T1, nhưng thực tế gia đình ông Đ đã sử dụng trên 70 năm. Nguyên đơn có cung cấp Tờ chuyển nhượng đất ngày 28/7/1995 để chứng minh phần đất tranh chấp gia đình nguyên đơn sử dụng đã trả thành quả lao động cho phía gia đình bị đơn. Tờ chuyển nhượng đất có nội dung: *"Ông T1 có bán phần đất nhà ở cho ông Võ Thành Đ có chiều dài 64,4m, chiều ngang 12,2m, diện tích 785,6m^2 với giá 3.000đ/m^2, tổng số tiền là 2.357.000đ..."*.

Xét lời trình bày của anh T1 cho rằng ông T1 không chuyển nhượng đất cho ông Đ là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi vì, căn cứ vào Tờ chuyển nhượng đất được người làm chứng là ông T (là cán bộ tư pháp xã) xác định: ông T1 có chuyển nhượng đất cho ông Đ theo Tờ chuyển nhượng đất ngày 28/7/1995. Ông T là người xác nhận vào Tờ chuyển nhượng đất có mặt ông T1 và ông Đ (Bút lục 178), đồng thời những người làm chứng khác như ông Võ Xuân D, ông Võ Văn S cũng đều xác nhận gia đình các nguyên đơn thực tế đã sử dụng đất ổn định từ trước năm 1975 đến nay, gia đình bị đơn cũng không có phản đối hay tranh chấp gì. Đối với bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh tờ chuyển nhượng đất ngày 28/7/1995 không phải ông Đ ký tên. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định ông T1 đã chuyển nhượng đất cho ông Đ vào năm 1995.

Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015 về căn cứ xác lập quyền sở hữu thì*"Quyền sở hữu được xác lập đối với tài sản trong trường hợp sau đây:*

1. ……..

7. Chiếm hữu, được lợi về tài sản theo quy định tại Điều 236 của Bộ luật này.

8. ……."

Tại Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

"Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác".

Do đó, căn cứ khoản 7 Điều 221, Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy, phần đất tranh chấp gia đình các nguyên đơn đã sử dụng ổn định, lâu dài trên 30 năm, không ai tranh chấp, đồng thời nguyên đơn đã chứng minh được đất này ông T1 đã chuyển nhượng cho ông Đ từ năm 1995, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D đồng ý được sở hữu 28 cây chanh do anh E trồng và trả tiền giá trị cây cho anh E là 980.000 đồng. Xét thấy, việc giao cho gia đình chị D được sử dụng đất nên các cây chanh anh E trồng giao cho gia đình chị D sở hữu, gia đình chị D trả tiền giá trị 28 cây chanh cho anh E là phù hợp.

Đối với anh T1 cũng đồng ý nhận tiền giá trị 28 cây chanh theo sự tự nguyện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn về việc nguyên đơn trả tiền giá trị 28 cây chanh cho bị đơn, nguyên đơn được quyền sở hữu 28 cây chanh do bị đơn trồng.

[3] Xét bản án sơ thẩm xử công nhận phần đất cho nguyên đơn được tiếp tục sử dụng là có căn cứ. Tuy nhiên, diện tích đất tại các mốc M6-M8-M9-M12 trở về M6 theo mãnh trích đo thì diện tích là 223,1m^2, không phải 269,5m^2 như bản án sơ thẩm đã tuyên xử. Nguyên đơn và bị đơn cũng xác định phạm vi các mốc Tòa án sơ thẩm tuyên xử chỉ là 223,1m^2. Do bản án sơ thẩm tuyên về số liệu không chính xác diện tích đất tranh chấp. Vì vậy, cần sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại diện tích đất 223,1m^2. Nguyên đơn được sở hữu toàn bộ cây trồng trên diện tích đất 223,1m^2.

[4] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh T1. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Kh, chị D, chị D1, anh T phải trả tiền giá trị các cây chanh cho anh E, nên bà Kh, chị D, chị D1, anh T phải liên đới chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên anh T1 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 221, Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2013, Điều 26, Điều 101, Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm a, điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thành T1.

- Sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 10/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện H.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản đối với 65 cây chuối trị giá 1.500.000 đồng, 02 bụi tre trị giá 3.500.000 đồng, tổng cộng là 5.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Kh, chị Võ Thị D1, chị Võ Thị D và anh Võ Thành T do chị Võ Thị D đại diện đã rút yêu cầu.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kh, chị Võ Thị D1, chị Võ Thị D và anh Võ Thành T về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Thành T1, ông Nguyễn Văn M1, anh Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn M1, bà Nguyễn Thị M2, bà Nguyễn Thị H trả lại cho bà Kh, chị D1, chị D, anh T phần đất có diện tích 223,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 405 tờ bản đồ số 12 đất tọa lạc tại xã LK, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Nguyễn Thị Kh, chị Võ Thị D1, chị Võ Thị D và anh Võ Thành T được quyền sử dụng phần đất có diện tích 223,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 405, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại xã LK, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi các mốc M6 - M8 - M9 - M12 về M6 theo Mãnh trích đo địa chính số 02/2019 ngày 24/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Đồng Tháp và được sở hữu toàn bộ cây trồng trên diện tích đất 223,1m^2.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/4/2019, Mãnh trích đo địa chính số 02/2019 ngày 24/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Đồng Tháp).

4. Bà Nguyễn Thị Kh, chị Võ Thị D1, chị Võ Thị D và anh Võ Thành T có trách nhiệm liên đới trả tiền giá trị 28 cây chanh cho anh Nguyễn Văn E (S) là 980.000 đồng (chín trăm tám mươi nghìn đồng).

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng 2.341.000 đồng, chị Võ Thị D đại diện cho bà Nguyễn Thị Kh, chị Võ Thị D1, anh Võ Thành T đã tạm ứng và chi xong, buộc anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Thành T1, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn M1, anh Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M2 phải trả lại cho bà Kh, chị D, chị D1, anh T chi phí này là 2.341.000 đồng (Hai triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1 Anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Thành T1, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn M1, anh Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M2 liên đới chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

6.2 Bà Nguyễn Thị Kh, chị Võ Thị D, chị Võ Thị D1, anh Võ Thành T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 1.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004276 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà Kh, chị D, chị D1, anh T được nhận lại số tiền 825.000 đồng (tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

7. Về án phí phúc thẩm:

Anh Nguyễn Thành T1 không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Anh T1 được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai số 0001234 ngày 20/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- Tòa án nhân dân huyện H;
- Chi Cục THA DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (H).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh